

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

KHOA KẾ TOÁN



# TIỂU LUẬN

MÔN: KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Nhóm:*

*Giáo viên hướng dẫn :*

*Lớp :*

- Hà Nội, 11/2015 -

**MỤC LỤC**

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>3</b>
<b>NỘI DUNG</b> .....	<b>5</b>
<b>PHẦN A: CƠ SỞ LÝ LUẬN TSCĐ VÀ KIỂM TOÁN TSCĐ</b> .....	<b>5</b>
<b>I. Tài sản cố định và những vấn đề ảnh hưởng đến kiểm toán tài sản cố định</b> .....	<b>5</b>
1. Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ .....	<b>5</b>
2. Khái niệm, đặc điểm của KSNB của TSCĐ .....	<b>6</b>
<b>II. Quy trình kiểm toán TSCĐ của công ty kiểm toán Á Châu</b> .....	<b>7</b>
1. Quy trình kiểm toán TSCĐ tại công ty kiểm toán Á Châu .....	<b>7</b>
2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán .....	<b>11</b>
<b>PHẦN B: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TSCĐ</b> .....	<b>19</b>
<b>CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN Á CHÂU TẠI CÔNG TY ABC</b> .....	<b>19</b>
<b>I. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán</b> .....	<b>19</b>
1. Tiếp cận khách hàng và tìm hiểu khách hàng .....	<b>19</b>
2. Căn cứ để kiểm toán .....	<b>19</b>
<b>II. Kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính</b> .....	<b>20</b>
1. Mục tiêu của kiểm toán chu kỳ TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính .....	<b>20</b>
2. Khảo sát hệ thống KSNB:.....	<b>23</b>
3. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát .....	<b>25</b>
4. Giai đoạn thực hiện kiểm toán .....	<b>26</b>
<b>5. Thử nghiệm kiểm soát</b> .....	<b>26</b>
6. Thử nghiệm cơ bản.....	<b>27</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>40</b>
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>43</b>
<b>CAM KẾT</b> .....	<b>44</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>45</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Cùng với sự chuyển biến nền kinh tế của từng quốc gia trong khu vực trên thế giới, Việt Nam đang khẳng định vị thế của mình trên thương trường quốc tế. Hòa mình vào nền kinh tế khu vực và nền kinh tế thế giới thì Việt Nam có những thời cơ mới và những thử thách mới. Những thách thức mới mà VN phải đối đầu trong đó phải kể đến đó là sự cạnh tranh quyết liệt của các công ty nước ngoài có xu hướng mở rộng thị trường vào VN, Do đó VN phải nỗ lực hết sức mình và các cá nhân trong nền kinh tế cần có một sự đảm bảo cần thiết khi tham gia vào môi trường này. Trước sự đòi hỏi của nền kinh tế thì hoạt động kiểm toán ra đời đã đóng vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế. Các công ty kiểm toán đã kịp thời phổ biến những thông tư chính sách mới của nhà nước đến các đơn vị kinh tế. Đồng thời hoạt động kiểm toán giúp các tổ chức, cá nhân nắm rõ các kiến thức, tăng cường hiểu biết về tài chính, kế toán.

BCTC phản ánh kết quả hoạt động KD của đơn vị KT trên mọi khía cạnh của quá trình kinh doanh. BCTC được rất nhiều người sử dụng, và dĩ nhiên người sử dụng cần có được những thông tin đáng tin cậy giúp họ đánh giá về thực trạng tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định kinh tế. Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển đã tạo nên hệ quả là khả năng nhận được các thông tin tài chính kém tin cậy cũng sẽ gia tăng. Do đó yêu cầu về việc đảm bảo tính trung thực hợp lý của thông tin cung cấp ngày càng cao. Hoạt động kiểm toán độc lập đối với BCTC, khi được pháp luật quy định sẽ trở thành một công cụ giúp bảo vệ sự ổn định của nền kinh tế, đặc biệt là đối với các quốc gia mà thị trường chứng khoán giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Ngoài ra, đối với các đơn vị kinh tế, kiểm toán độc lập còn góp phần tạo nên giá trị gia tăng BCTC của đơn vị, họ còn có thể giúp đơn vị hạn chế khả năng xảy ra các sai phạm về kế toán, tài chính. Vì vậy để đạt được mục đích kiểm toán BCTC thì kiểm toán viên cần phải xem xét kiểm tra riêng biệt các khoản mục trên BCTC.

Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng và mở rộng nhà xưởng máy óc, thiết bị là cần thiết đối với việc phát triển sản xuất. Bởi trong xu hướng phát triển doanh nghiệp nao có tỷ trọng chi phí cố định trong giá thành sản phẩm cao hơn thì sẽ có tốc độ tăng cường lợi nhuận cao hơn. Điều này cũng đồng nghĩa với tỷ lệ tài sản cố định trong tổng tài sản tăng lên và chi phí khấu hao không ngừng tăng lên.

TSCĐ là khoản mục có giá trị lớn, thường chiếm tỉ trọng đáng kể so với tổng tài sản trên Bảng cân đối kế toán. Giá trị TSCĐ cũng ngày càng chiếm một phần rất quan trọng trong công việc thể hiện khả năng sản xuất , kinh doanh của doanh nghiệp. Điều đó thể hiện ở chỗ chỉ có những doanh nghiệp có khả năng sản xuất , kinh doanh tốt, đạt lợi nhuận cao... thì mới có khả năng, mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị cũng như có hệ thống TSCĐ hiện đại, tiên tiến..

Vì vậy việc hạch toán TSCĐ cũng như việc tính chi phí khấu hao cần phải được ghi chép đúng đắn , chính xác, trung thực, hợp lý trở thành một yêu cầu cấp thiết. Kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao vì thế cũng ngày càng chiếm một vai trò quan trọng trong chương trình kiểm toán.

## **NỘI DUNG**

### **PHẦN A: CƠ SỞ LÝ LUẬN TSCĐ VÀ KIỂM TOÁN TSCĐ**

#### **I. Tài sản cố định và những vấn đề ảnh hưởng đến kiểm toán tài sản cố định.**

##### **1. Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ**

TSCĐ là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài

Theo quy định chung, một tài sản được ghi nhận là TSCĐ khi nó thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- + Nguyên giá TSCĐ phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- + Có thời gian sử dụng từ một năm trở lên;
- + Có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.
- + Chắc chắn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

Trong quá trình tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐ vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu nhưng giá trị của nó bị giảm dần sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh. Quá trình giảm dần giá trị đó được gọi là quá trình hao mòn TSCĐ, giá trị hao mòn được chuyển dịch dần chi phí hoạt động kinh doanh. Giá trị đó được thu hồi khi doanh nghiệp bán sản phẩm đầu ra.

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị, phản ánh năng lực hiện có và trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động của đơn vị.

TSCĐ là yếu tố quan trọng tạo khả năng tăng trưởng bền vững, tăng năng suất lao động, giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm dịch vụ.

Việc quản lý và sử dụng TSCĐ nếu được thực hiện tốt thì sẽ là nền tảng cơ bản cho doanh nghiệp có một hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo, tạo khả năng phát triển sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm, hạ giá thành, tăng vòng quay vốn và đổi mới trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

**2. Khái niệm, đặc điểm của KSNB của TSCĐ**

Từ yêu cầu về quản lý TSCĐ, đơn vị cần xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu lực nhằm sử dụng TSCĐ đạt hiệu quả nhất. TSCĐ là khoản mục trọng yếu trên bảng cân đối kế toán, liên quan trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh qua chi phí khấu hao. Do đó mà việc kiểm soát tốt TSCĐ có vai trò vô cùng quan trọng.

Các doanh nghiệp có thể xây dựng các thủ tục kiểm soát với khoản mục TSCĐ như sau:

- Áp dụng nguyên tắc bất kiêm nhiệm trong đó:

+ Tách biệt công việc bảo quản với công việc ghi chép các nghiệp vụ, theo đó người quản lý TSCĐ sẽ không đồng thời là người ghi chép TSCĐ;

+ Quy định rõ thẩm quyền của từng cấp quản lý đối với việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế có liên quan tới TSCĐ như mua mới, điều chuyển, thanh lý TSCĐ.

+ Cách ly quyền phê chuẩn với việc bảo quản TSCĐ, tránh tình trạng người phê chuẩn cũng đồng thời là người quyết định việc mua bán, chuyển nhượng TSCĐ dễ dẫn tới rủi ro do lạm quyền tự mua bán, chuyển nhượng TSCĐ.

+ Xây dựng hệ thống bảo quản TSCĐ như kho bãi, hàng rào bảo vệ, phân định trách nhiệm bảo vệ tài sản, quy định thủ tục chặt chẽ việc đưa TSCĐ ra khỏi doanh nghiệp.

- *Lập kế hoạch và dự toán về TSCĐ:*

TSCĐ là loại tài sản có giá trị lớn, mang lại nguồn lợi lâu dài cho doanh nghiệp. Do đó mà các doanh nghiệp thường có dự toán cho ngân sách đầu tư vào TSCĐ. Đây cũng có thể coi là một công cụ hữu hiệu kiểm soát TSCĐ. Nhờ việc lập kế hoạch và dự toán mà doanh nghiệp có thể đối chiếu, rà soát lại tình trạng sử dụng TSCĐ để thấy được sự bất hợp lý nếu có. Đồng thời doanh nghiệp có thể cân đối được các phương án khác nhau trong quyết định đầu tư vào TSCĐ.

- *Các công cụ kiểm soát khác nhau:*

+ Hệ thống sổ chi tiết TSCĐ: Các đơn vị cần phải mở sổ chi tiết cho từng loại TSCĐ bao gồm sổ chi tiết, thẻ chi tiết, hồ sơ chi tiết gồm đầy đủ các chứng từ có liên quan đến quá trình mua bán, sửa chữa, thanh lý TSCĐ.

+ Xây dựng các quy định chi tiết về các thủ tục mua sắm, thanh lý, nhượng bán TSCĐ và đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đảm bảo việc đầu tư vào TSCĐ đạt hiệu quả cao.

+ Các quy định về phân biệt giữa các khoản chi được tính vào nguyên giá hay tính vào chi phí của niên độ kế toán hiện hành và trên cơ sở thực tiễn tại đơn vị.

+ Các quy định về việc kiểm kê định kỳ bảo vệ vật chất TSCĐ;

+ Các quy định về khấu hao: thời gian khấu hao phải được ban giám đốc phê chuẩn trên cơ sở khung thời gian trong quyết định 45.

## **II. Quy trình kiểm toán TSCĐ của công ty kiểm toán Á Châu**

### **1. Quy trình kiểm toán TSCĐ tại công ty kiểm toán Á Châu**

#### **1.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

##### **1.1.1. Tiếp nhận khách hàng**

Thông qua thư mời kiểm toán thư mới kiểm toán công ty sẽ tìm hiểu sơ bộ tình hình kinh doanh, môi trường hoạt động của khách hàng nhằm xác định phạm vi kiểm toán và khối lượng công việc thực hiện như:

- Cơ cấu tổ chức, chủ sở hữu.

- Mục tiêu kinh doanh, lĩnh vực hoạt động, các sản phẩm chính.

- Xem xét sơ bộ hệ thống kế toán: chính sách chứng từ, chế độ kế toán, việc luân chuyển chứng từ, lưu trữ chứng từ...

Căn cứ vào việc khảo sát thì công ty lập thư báo và gửi cho khách hàng mức phí kiểm toán, khi khách hàng đồng ý thì khách hàng và công ty sẽ thực hiện ký hợp đồng kiểm toán. Sau đó công ty sẽ gửi thu hện kiểm toán để thông báo thời gian kiểm toán.

Đồng thời KTV yêu cầu đơn vị chuẩn bị những tài liệu sau:

- Sổ cái các sổ kế toán chi tiết liên quan đến TSCĐ, chi phí XDCB dở dang.
- Danh sách chi tiết TSCĐ tăng, thanh lý, chuyển nhượng, giảm khác trong năm/kỳ theo từng loại.
- Bảng khấu hao TSCĐ trong năm/kỳ.
- Bảng kê chi tiết chi phí XDCB, lưu ý chi phí này được tập hợp theo từng loại TSCĐ.
- Các chứng từ, hợp đồng liên quan đến TSCĐ và chi phí SDCB dở dang.

### **1.1.2. Tìm hiểu hệ thống KSNB**

Việc nghiên cứu hệ thống KSNB của khách hàng và đánh giá được rủi ro giúp cho KTV thiết kế được những thủ tục kiểm toán thích hợp cho khoản mục TSCĐ, đánh giá được khối lượng và độ phức tạp của cuộc kiểm toán từ đó xác định được trọng tâm cuộc kiểm toán.

Khi tìm hiểu hệ thống KSNB thì KTV tìm hiểu về:

- Môi trường kiểm soát như thông báo và bắt buộc phải tuân thủ tính chính trực và các giá trị đạo đức, các cam kết về năng lực, có sự tham gia của những người quản lý, triết lý của ban giám đốc và các loại hoạt động, cơ cấu tổ chức, phân quyền phê duyệt trách nhiệm, chính sách nguồn lực và thực tiễn.

- Xem xét quá trình đánh giá rủi ro của khách hàng như các rủi ro liên quan đến việc lập BCTC bao gồm dự đầy đủ cả đơn vị cá bao gồm các ước tính quan trọng, công bố xem xét giá trị hợp lý.

- Các hoạt động kiểm soát thì KTV thu thập sự hiểu biết về kiểm soát cụ thể đối với các loại nghiệp vụ, số dư tài khoản hoặc công bố để ngăn chặn hoặc phát hiện sửa chữa các sai sót trọng yếu.

- Giám sát các kiểm soát: thu thập và ghi chép hiểu biết về việc làm thế nào đơn vị giám sát kiểm soát nội bộ với BCTC, bao gồm các hoạt động kiểm soát có liên quan đến việc kiểm toán và làm thế nào để sửa chữa được phần thực hiện.

Đối với khoản mục TSCĐ thì KTV thường:



- Phòng vấn các nhân viên công ty
- Tham quan thực tế TSCĐ
- Kiểm tra chứng từ sổ sách liên quan đến TSCĐ.
- Xem xét các thủ tục KSNB đối với TSCĐ

Kiểm tra hệ thống đối với các khoản mục TSCĐ thì KTV cũng xem xét tình hình quản lý TSCĐ: tình hình quản lý ở đơn vị khách hàng có vai trò quan trọng quyết định công việc của các KTV. Nếu TSCĐ được quản lý, kiểm tra chặt chẽ thì KTV sẽ tiết kiệm được thời gian và phạm vi kiểm toán ngược lại nếu công tác quản lý TSCĐ không được chặt chẽ thì KTV sẽ phải tập trung hơn vào các nhiệm vụ liên quan đến TSCĐ.

KTV cũng tiến hành xem xét bảng đăng ký khấu hao TSCĐ (của đơn vị được kiểm toán) với Bộ Tài Chính.

### **1.1.3. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm toán**

*\* Phương pháp xác lập mức trọng yếu:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mức trọng yếu</b>
Lợi nhuận trước thuế	5% - 10%
Doanh thu	0,5% - 1%
Tài sản lưu động, nợ ngắn hạn, tổng tài sản.	2% - 4%
Tổng tài sản khi tính đến việc thanh lý, phá sản doanh nghiệp	0,25% - 0,5%

- Phương pháp chung:

Đối với việc phân bổ mức trọng yếu cho từng khoản mục thì công ty thường sử dụng mức 50% hoặc 75% đối với từng khoản mục nói chung và khoản mục TSCĐ nói riêng.

*\*Đánh giá rủi ro kiểm toán:*

Công ty cũng đã xây dựng mối quan hệ giữa các loại rủi ro bằng ma trận dưới đây nhằm xác định rủi ro phát hiện chấp nhận được.

	Đánh giá của KTV về rủi ro kiểm soát
--	--------------------------------------

		Cao	Trung bình	Thấp
Đánh giá của KTV về rủi ro tiềm tàng	Cao	Tối thiểu	Thấp	Trung bình
	Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
	Thấp	Trung bình	Cao	Tối đa

KTV phải dựa vào đánh giá mức độ rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát từ đó xác định mức rủi ro phát hiện đối với các khoản mục nói chung và khoản mục TSCĐ nói riêng. Từ đó xác định nội dung, lịch trình và phạm vi các thử nghiệm cơ bản để giảm rủi ro phát hiện và rủi ro kiểm toán xuống thấp đến mức có thể chấp nhận được. Vì mức độ rủi ro phát hiện có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các thử nghiệm cơ bản của KTV.

Dựa vào việc tìm hiểu hệ thống KSNB của khách hàng và việc xác lập mức trọng yếu cho khoản mục TSCĐ thì KTV sẽ đánh giá về rủi ro kiểm toán. KTV sẽ dựa vào kinh nghiệm xét đoán nghề nghiệp của mình để đưa ra kết luận chung về tính rủi ro của khoản mục TSCĐ nói riêng và của tất cả các khoản mục trên BCTC nói chung. Nếu KTV đánh giá rằng các thủ tục kiểm soát có liên quan được thiết kế và thực hiện hiệu quả trong thực tế thì KTV sẽ đánh giá rủi ro kiểm soát là thấp hơn mức tối đa. Còn ngược lại, KTV sẽ đánh giá rủi ro kiểm soát ở mức tối đa thì KTV sẽ thực hiện các thử nghiệm căn bản ở mức độ phù hợp mà không thực hiện các thử nghiệm kiểm soát.

Sau khi đã thực hiện những đánh giá rủi ro trên thì công ty sẽ sắp xếp thời gian và nhân sự để tham gia kiểm toán, công ty thường chọn ngày kết thúc niên độ kế toán của khách hàng hoặc 1 thời điểm được sắp xếp và trao đổi giữa công ty và khách hàng, và số lượng KTV thì phụ thuộc tính phức tạp, mức rủi ro được đánh giá để phân công thực hiện.

Đối với khoản mục TSCĐ thì chương trình kiểm toán cho khoản mục này được thực hiện theo chương trình mà công ty đã thiết kế. Thông thường đối với khoản mục TSCĐ thì KTV thường kiểm tra 100%.

**2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

\* Chương trình kiểm toán TSCĐ tại công ty Á Châu đã xây dựng các thủ tục nhằm đáp ứng các mục tiêu cụ thể:

- *Hiện hữu*: TSCĐ có tính hiện hữu trong thực tế tại ngày lập báo cáo.
- *Quyền sở hữu*: toàn bộ TSCĐ tại đơn vị thuộc sở hữu của đơn vị hoặc đơn vị có quyền kiểm soát lâu dài.
- *Đầy đủ*: Các nghiệp vụ và mọi TSCĐ của đơn vị đều được ghi nhận,
- *Ghi chép chính xác*: Các TSCĐ phản ánh trên sổ chi tiết đã được ghi chép đúng, tổng cộng đúng và phù hợp với tài khoản tổng hợp trên sổ cái.
- *Đánh giá*: các TSCĐ được đánh giá phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- *Trình bày và công bố*: Sự trình bày và khai báo TSCĐ gồm cả việc công bố phương pháp tính khấu hao là đầy đủ và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Đối với chi phí khấu hao là đầy đủ và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Đối với chi phí khấu hao, mục tiêu kiểm toán chủ yếu là xem xét sự đúng đắn trong việc xác định mức khấu hao và phân bổ cho các đối tượng có liên quan. Điều này phù hợp vào phương pháp khấu hao, cũng như các dữ kiện làm cơ sở cho việc tính toán và tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao.

\* *Lập bảng tổng hợp*:

1. Lập biểu tổng hợp TSCĐ và chi phí XDCB dở dang.	BH0
2. Lập biểu tổng hợp trình bày sự biến động trong suốt kỳ kiểm toán đối với mỗi loại TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính, TSCĐ vô hình và chi phí XDCB dở dang.	BH1 BH2 BH3
Lưu ý: TSCĐ và chi phí XDCB dở dang điều chuyển nội bộ cần ghi rõ trên biểu tổng hợp để bù trừ khi tổng hợp BCTC cho toàn bộ công ty.	BH4
3. Đối chiếu số dư đầu năm trên các biểu tổng hợp, sổ cái với số dư cuối năm trước hoặc hồ sơ kiểm toán năm trước	

4. Đối chiếu số liệu cuối năm/kỳ trên các biểu tổng hợp với sổ cái, sổ chi tiết.	
--	--

Các khách hàng của công ty thường có quy mô không lớn, bên cạnh đó các khoản mục TSCĐ và khấu hao TSCĐ thường ít biến động lớn hoặc nếu có thường nằm trong kế hoạch của doanh nghiệp. Vì vậy việc thực hiện kiểm toán đối với TSCĐ thường tuân thủ chặt chẽ theo chương trình kiểm toán đã lập.

### **2.1. Thử nghiệm kiểm soát**

Các thử nghiệm kiểm soát của công ty chủ yếu dựa vào đánh giá mang tính chất cảm tính của KTV về hệ thống KSNB của khách hàng. Việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát đôi khi được KTV thực hiện trong các thử nghiệm chi tiết. Nhưng thường thì KTV bỏ qua mà thay vào đó KTV thường đi sâu vào các thử nghiệm chi tiết để thu thập bằng chứng.

Các lý do mà KTV thường bỏ qua thử nghiệm kiểm soát:

-Do TSCĐ là khoản mục chiếm 1 tỷ trọng lớn và thường phát sinh ít nên để tiết kiệm thời gian và chi phí nên công ty không tiến hành các thử nghiệm kiểm soát mà đi vào thực hiện các thử nghiệm cơ bản.

- Phần lớn các khách hàng của công ty là các công ty vừa và nhỏ nên hệ thống KSNB của công ty khách hàng thường yếu kém hoặc không có trong thực tế, Vì vậy việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát ở các công ty này thường khó khăn và thường không đạt hiệu quả cao bằng việc đi sâu vào thực hiện các thử nghiệm chi tiết.

### **2.2. Thử nghiệm cơ bản**

Để đạt được các mục tiêu trong phân hành kiểm toán TSCĐ là hiện hữu, đầy đủ, đánh giá, quyền và nghĩa vụ, trình bày và công bố khi KTV cần thực hiện các thủ tục phân tích và các thử nghiệm theo chương trình đã được thống nhất toàn công ty.

#### **2.2.1. Thủ tục phân tích**

Việc sử dụng thủ tục phân tích giúp KTV rút ngắn được thời gian kiểm toán, đồng thời cũng tìm ra chỉ dẫn cho việc điều tra sâu hơn khi có những biến động ngoài dự kiến. Tuy nhiên thủ tục phân tích chỉ phát huy hiệu quả khi hệ thống KSNB của khách hàng được đánh giá là hiệu quả. Việc áp dụng thủ tục phân tích cũng phụ thuộc vào kinh nghiệm của KTV.

Số liệu thu thập ở bảng tổng hợp sẽ giúp KTV đánh giá được tình biến động TSCĐ trong năm về mặt giá trị, sự biến động đầu năm so với cuối năm có phù hợp với kế hoạch của đơn vị kiểm toán hay không. Bên cạnh đó KTV tiến hành phân tích các tỉ suất có liên quan đến TSCĐ để đánh giá mức độ phù hợp trong việc phản ánh nguyên giá, giá trị khấu hao TSCĐ, KTV tiến hành so sánh với tình năm trước để thấy những biến động bất hợp lý trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp.

Các thủ tục phân tích mà công ty thiết lập:

- Xem xét sự bất hợp lý và nhất quán với năm trước của TSCĐ. Tìm hiểu và thu thập giải trình các biến động bất thường.

- Xem xét tính hợp lý của TSCĐ và chi phí XD/CB dở dang trên tổng tài sản. Tìm hiểu và thu thập giải trình các biến động bất thường.

- So sánh chi phí khấu hao TSCĐ năm nay / kỳ này với năm/ kỳ trước, với kế hoạch giữa các tháng( quý) trong năm/ kỳ. Tìm hiểu và thu thập giải trình các biến động bất thường.

### **2.2.2. Thủ tục kiểm tra chi tiết**

Dựa vào việc đánh giá rủi ro kiểm toán mà KTV dựa trên sự phán đoán của mình để quyết định sử dụng nhiều hay ít các thử nghiệm chi tiết. Sau đây là những thử nghiệm chi tiết trong chương trình kiểm toán khoản mục TSCĐ do công ty đặt ra:

a/ Thử nghiệm chi tiết 1 : kiểm tra, đối chiếu

- Đối chiếu số liệu giữa bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, bảng cân đối kế toán. Nếu có chênh lệch làm rõ nguyên nhân.

- Trong trường hợp năm trước chưa kiểm toán, thì đối chiếu số dư đầu năm với BCKT do công ty khác kiểm toán, xem hồ sơ kiểm toán năm trước của công ty kiểm toán khác hoặc xem chứng từ gốc để xác nhận số dư.
- Thu thập bảng kê chi tiết TSCĐ, các công trình XD/CB dở dang và đối chiếu với biên bản kiểm kê TSCĐ có sự chứng kiến của KTV.

**b/ Thử nghiệm chi tiết 2: TSCĐ tăng**

- Kiểm tra chứng từ gốc
  - + Đối với TSCĐ mua sắm mới: quyết định đầu tư; dự toán, phê duyệt dự toán; hợp đồng kinh tế và bên bản thanh lý hợp đồng; hóa đơn biên bản giao nhận.
  - + Đối với chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: kế hoạch sửa chữa; dự toán, phê duyệt dự toán; hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng..
- Xem xét công trình hạng mục nào đã phát sinh đã lâu mà chưa hoàn thành hoặc trong kỳ chưa phát sinh chi phí hay không. tìm hiểu nguyên nhân và xem xét các điều chỉnh phù hợp.
- Xem xét các chi phí được vốn hóa trong năm có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng không.
- Kiểm tra các chứng từ gốc các TSCĐ tăng trong năm.
- Kiểm tra việc hạch toán nguyên giá TSCĐ hữu ích, vô hình được mua dưới hình thức trao đổi xem có phù hợp với VAS03 VAS04 không.
- Kiểm tra thuế GTGT thu lại từ cơ quan thuế không được cộng vào nguyên giá TSCĐ, chi phí XD/CB dở dang.
- Kiểm tra chi phí nâng cấp TSCĐ trong năm để đảm bảo không có chi phí sửa chữa, bảo trì được vốn hóa.

**c/ thử nghiệm chi tiết 3: vốn hóa chi phí lãi vay**

- Xem xét xem chi phí lãi vay trong năm có phù hợp với VAS16 không.
- Kiểm tra các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm.

**d/ thử nghiệm chi tiết 4: chi phí nghiên cứu, phát triển**

- Kiểm tra xem chi phí trong giai đoạn nghiên cứu có được vốn hóa trong năm.
- Kiểm tra xem chi phí phát triển được vốn hóa có phù hợp với các điều kiện của VAS 04 không.

e/ Thử nghiệm chi tiết 5: chi phí XDCB dở dang giảm

- Kiểm tra hồ sơ liên quan đến việc kết chuyển.
- Kiểm tra hạch toán giảm chi phí XDCB dở dang trong năm.

f/ Thử nghiệm chi tiết 6: TSCĐ giảm

- Kiểm tra chứng từ gốc liên quan đến TSCĐ giảm trong năm.
- Kiểm tra hạch toán giảm TSCĐ do điều chuyển, thanh lý, nhượng bán trong năm.
- Kiểm tra tính toán lãi lỗ TSCĐ thanh lý, nhượng bán trong năm.

g/ Thử nghiệm chi tiết 7: Khấu hao TSCĐ

- Kiểm tra xem thời gian / tỉ lệ khấu hao của TSCĐ có hợp lý không.
- Đánh giá xem có bất kỳ sự kiện và hoàn cảnh nào có thể dẫn đến sự thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.
- Kiểm tra chọn mẫu việc tính khấu hao các TSCĐ trong năm.
- Xem xét để đảm bảo TSCĐ đã được khấu hao hết không được tính vào khấu hao.
- Xem xét để đảm bảo các TSCĐ đều được tính vào khấu hao.

Tổng hợp khấu hao của các TSCĐ không sử dụng hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài hoạt động SXKD để loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

h) Thử nghiệm chi tiết 8 : Cam kết và cầm cố thế chấp.

Trao đổi với những người có trách nhiệm liên quan tới tài sản để tìm hiểu xem đơn vị có cầm cố, thế chấp TSCĐ và có cam kết liên quan đến việc mua sắm TSCĐ hay không.

Kiểm tra các hợp đồng thỏa thuận, hóa đơn, đơn đặt hàng,.. liên quan tới các khoản cam kết vốn và thế chấp TSCĐ.



Đảm bảo việc thể chấp và các cam kết đã được công bố phù hợp trên bảng thuyết minh BCTC.

Xem xét thu nhập giải trình của ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến TSCĐ và các chi phí XDCB dở dang.

k) Thử nghiệm chi tiết 9: Xem xét kỹ lưỡng.

Đọc lướt qua sổ chi tiết TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình, chi phí XDCB và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ để phát hiện các khoản mục bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc.

l) Thử nghiệm chi tiết 10: Trình bày và công bố.

Xem xét việc trình bày và công bố TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình, chi phí XDCB dở dang và chi phí sửa chữa lớn TSCĐ trên BCTC có phù hợp với chuẩn mực kế toán áp dụng ở trên không.

### **2.2.3. Giai đoạn hoàn thành kiểm toán.**

Trước khi kết thúc công việc kiểm toán thì KTV sẽ bàn giao sổ sách chứng từ, tài liệu mà khách hàng đã cung cấp, sẽ trao đổi với nhau những vấn đề còn vướng mắc.

Sau khi hoàn tất chương trình kiểm toán, nhóm trưởng sẽ soát xét lại những công việc do các KTV thực hiện thông qua giấy tờ làm việc, sau đó sẽ tổng hợp lại những bút toán điều chỉnh và thảo luận với khách hàng và trao đổi các bút toán điều chỉnh. KTV cũng xem xét lại một lần nữa các cơ sở dẫn liệu đã được bảo đảm chưa, sự cần thiết phải thêm thủ tục khác hay không.

KTV cũng xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC bởi vì trong khoảng thời gian từ khi lập BCTC đến khi phát hành BCKT có rất nhiều sự kiện mới phát sinh. Những sự kiện này có thể ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, để phát hiện những sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả kiểm toán thì KTV thường thực hiện các thủ tục phỏng vấn BGD kết hợp với kinh nghiệm của KTV.

Cuối cùng là kết luận về kiểm toán khoản mục TSCĐ. Toàn bộ hồ sơ kiểm toán phải được duyệt trình lên Giám đốc và khi xem xét bản thảo BCKT thì Giám đốc sẽ đánh giá về bản thảo, và sau đó nếu như không có vấn đề gì phát sinh thì



giám đốc sẽ thông qua. Nếu như có vấn đề gì phát sinh thì KTV phải giải trình được những sai phạm đã phát hiện và đưa ra các bằng chứng cho các sai phạm đó là đúng đắn đồng thời phải khẳng định rằng việc lập BCKT cho BCKT của đơn vị hoàn toàn là trung thực và hợp lý xét trên khía cạnh trọng yếu.

Hồ sơ kiểm toán đóng vai trò quan trọng, là kết quả của toàn bộ quá trình kiểm toán. Nó lưu lại các bước công việc đã thực hiện, những bằng chứng đã thu thập được. Hồ sơ kiểm toán cũng là cơ sở pháp lý cho việc kết luận của KTV. Chính vì thế, việc tổ chức hồ sơ kiểm toán một cách rõ ràng, dễ truy xuất thông tin là một trong những điều được quan tâm. Điều đó cũng bởi lẽ việc trình bày rõ ràng sẽ giúp cho giám đốc theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc thực hiện.

Tại công ty Á Châu, khi hoàn tất các thử nghiệm chi tiết trên giấy làm việc và thu thập tất cả chứng từ thì KTV sẽ hoàn thành file để làm căn cứ và cơ sở pháp lý của kết luận cuối cùng của KTV chính trên BCTC. Công việc lưu file hồ sơ tại công ty không có khuôn mẫu chuẩn bắt buộc, tùy thuộc vào cách trình bày của KTV và tình hình kiểm toán thực tế tại đơn vị khách hàng thì sẽ có cách lưu cho hợp lý nhất. Nhưng cũng có những nguyên tắc mà KTV tại công ty cũng phải tuân theo, chẳng hạn như những giấy tờ có nội dung bổ trợ cho giấy tờ khác thường được đặt phía sau, các con số được tham chiếu phải làm dấu cho thật rõ ràng. Sau đây là những giấy tờ làm việc trong khoản mục TSCĐ:

- BH<sub>0</sub>: Biểu tổng hợp nêu ra số dư đầu kỳ, số dư cuối kỳ của : đơn vị, điều chỉnh, và số kiểm toán.
- WP Ref: NOA (note of account) thì đây là bảng tổng hợp lỗi.
- WP Ref: ADJE thì đây là bảng ghi nhận các bút toán điều chỉnh của KTV.
- BH<sub>1</sub>, BH<sub>2</sub>, BH<sub>3</sub>, BH<sub>4</sub>: Giấy tờ làm việc của TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình, chi phí XDCB dở dang trong phân hành TSCĐ.

Ngoài ra những giấy tờ như trên thì còn có giấy làm việc khác nhằm thực hiện các mục tiêu của kiểm toán đề ra. Trên giấy làm việc phải ghi đầy đủ các yêu cầu sau: tên KH, nội dung, niên độ, tên của KTV thực hiện, tên của KTV kiểm tra lại, ngày thực hiện, các dấu tick- mark được giải thích rõ ràng các tham chiếu được

đánh đúng và bằng bút đỏ, kiểm tra cộng dọc, cộng ngang , còn các giấy tờ của khách hàng cũng được ghi mã số lên góc phải để tham chiếu nếu thấy cần thiết. Ở công ty Á Châu thì ngoài BH<sub>0</sub>, BAc, BH<sub>1</sub>, BH<sub>2</sub>, BH<sub>3</sub>, BH<sub>4</sub> thì các giấy tờ khác không có mẫu cụ thể. Việc thể hiện trên excel sao cho phù hợp nhất và sau đó in ra, đánh tham chiếu và hoàn tất.

-----

**PHẦN B: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TSCĐ****CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN Á CHÂU TẠI CÔNG TY ABC****I. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán.****1. Tiếp cận khách hàng và tìm hiểu khách hàng.**

Công ty ABC là khách hàng kiểm toán năm đầu tiên thông qua thư mời kiểm toán do công ty ABC trực tiếp gửi cho công ty Á Châu. Qua thư mời kiểm toán, Ban giám đốc Á Châu tiến hành trao đổi với Ban giám đốc ABC về những vấn đề liên quan đến đơn vị được kiểm toán và những thông tin liên quan đến ngành nghề liên quan, lĩnh vực hoạt động, công tác tổ chức quản lý....

*\*Thông tin về khách hàng:*

- Tên công ty: Công ty cổ phần ABC
- Trụ sở chính đặt tại 20 đường số 4, khu công nghiệp VN- Singapore huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Hình thức sở hữu vốn: công ty cổ phần hoạt động theo luật công ty.
- Vốn điều lệ: 10 tỷ VNĐ
- Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu.
- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh mua bán xuất nhập khẩu da giày, hàng nông sản, thủy hải sản, vật tư thiết bị phụ tùng máy móc phục vụ cho sản xuất, chế biến nông sản, thủy hải sản.

**2. Căn cứ để kiểm toán**

*\*Một số chính sách kế toán của công ty ABC*

- Ghi nhận nguyên giá TSCĐ theo TT45/2013
- Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng
- Ghi nhận hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc.
- Tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong nước được chuyển sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng Ngoại Thương VN tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

*\*Tài liệu KSNB*

Do cty ABC chưa thiết lập được hệ thống KSNB vì theo đánh giá của ban giám đốc với quy mô hiện nay là chưa cần thiết. Do đó, hàng tháng Ban giám đốc công ty ABC đều tổ chức cuộc họp để nắm bắt tình hình thực tế và đề ra các biện pháp giải quyết vướng mắc và giải pháp thực hiện.

Vì vậy, KTV đánh giá công ty ABC thông qua một số buổi gặp mặt trực tiếp với ban giám đốc công ty ABC. Thông qua những buổi gặp thì KTV cũng đánh giá được phần nào thái độ, nhận thức và phong cách làm việc của Ban giám đốc. Đồng thời KTV thu thập những thông tin về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành, các quy trình, chính sách, xem xét chứng từ sổ sách và sự luân chuyển của những chứng từ.

*\*Tài liệu kế toán*

- Sổ cái và các sổ kế toán chi tiết liên quan đến TSCĐ

- Danh sách TSCĐ tăng, thanh lý, chuyển nhượng, giảm khác trong năm
- Bảng tổng hợp TSCĐ phản ánh số dư đầu năm, phát sinh tăng giảm trong năm, số cuối năm của nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ
- Bảng khấu hao TSCĐ trong năm
- Các chứng từ, hợp đồng liên quan đến TSCĐ

## **II. Kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính**

### **1. Mục tiêu của kiểm toán chu kỳ TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính**

*\*Mục tiêu trung gian*

Để đạt được mục tiêu cuối cùng, trong quá trình kiểm toán, KTV phải khảo sát và đánh giá lại hiệu lực trên thực tế của hoạt động KSNB đối với TSCĐ để làm cơ sở thiết kế và thực hiện khảo sát cơ bản nhằm đánh giá các thông tin tài chính liên quan đến TSCĐ.

*\*Mục tiêu cuối cùng*

Phù hợp với mục tiêu chung của kiểm toán BCTC là xác nhận về mức độ tin cậy của BCTC được kiểm toán, mục tiêu cụ thể của kiểm toán khoản mục TSCĐ là thu thập đầy đủ cá bằng chứng thích hợp, từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của thông tin tài chính có liên quan đến TSCĐ trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời cũng cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan làm cơ sở tham chiếu khi kiểm toán các chu kỳ liên quan.

Trên cơ sở xác định mục tiêu kiểm toán TSCĐ như trên ta có thể các định mục tiêu kiểm toán cụ thể TSCĐ như sau:

*\*Mục tiêu đánh giá kiểm soát nội bộ TSCĐ*

- *Mục tiêu hiện hữu:* Các quy chế kiểm soát, các bước kiểm soát TSCĐ đã được thiết kế và thực sự hoạt động.
- *Mục tiêu hiệu lực:* Các quy chế kiểm soát, các bước kiểm soát TSCĐ là phù hợp và hiệu quả.
- *Mục tiêu liên tục:* Các quy chế kiểm soát, các bước kiểm soát TSCĐ phải hoạt động thường xuyên.

*\*Mục tiêu về nghiệp vụ TSCĐ*

- *Sự phát sinh:* Tất cả các nghiệp vụ TSCĐ được ghi sổ trong kỳ là phát sinh thực tế, không có nghiệp vụ khống.
- *Tính toán, đánh giá:* Đảm bảo các nghiệp vụ TSCĐ được xác định theo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành và được tính đúng đắn không sai sót.
- *Đầy đủ:* Các nghiệp vụ TSCĐ phát sinh trong kỳ được phản ánh, theo dõi đầy đủ trên sổ kế toán.
- *Đúng đắn:* Các nghiệp vụ TSCĐ trong kỳ đều được phân loại đúng đắn theo quy định của các chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan và quy định đặc thù của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ này được hạch toán đúng trình tự và phương pháp kế toán.
- *Đúng kỳ:* Các nghiệp vụ TSCĐ được hạch toán đúng kỳ phát sinh theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

*\*Mục tiêu về số dư TSCĐ*

- *Sự hiện hữu:* Tất cả TSCĐ được doanh nghiệp trình bày trên BCTC là phải tồn tại thực tế tại thời điểm báo cáo. Số liệu kiểm kê thực tế của doanh nghiệp.

- *Quyền và nghĩa vụ:* Toàn bộ TSCĐ được báo cáo phải thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đối với TSCĐ thuê tài chính phải thuộc quyền kiểm soát lâu dài của doanh nghiệp trên cơ sở hợp đồng thuê đã ký.

- *Đánh giá:* số dư tài khoản TSCĐ được đánh giá theo đúng quy định chuẩn mực, chế độ kế toán và quy định cụ thể của doanh nghiệp.

- *Tính toán:* Việc xác định số dư TSCĐ là đúng đắn không sai sót.

- *Đầy đủ:* Toàn bộ TSCĐ được trình bày đầy đủ trên BCTC (không bị thiếu hoặc sót)

- *Đúng đắn:* TSCĐ được phân loại đúng đắn để trình bày trên BCTC

- *Cộng dồn:* Số liệu lũy kế tính dồn trên các sổ chi tiết TSCĐ được xác định đúng đắn. Việc kết chuyển số liệu từ các sổ kế toán chi tiết sang các sổ kế toán tổng hợp và sổ cái không có sai sót.

- *Báo cáo:* Các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ trên BCTC được xác định đúng theo các quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán, không có sai sót.

*\*Các công cụ kiểm soát khác.*

- Hệ thống sổ chi tiết TSCĐ: Đơn vị mở sổ chi tiết cho từng loại TSCĐ bao gồm sổ chi tiết, thẻ chi tiết, hồ sơ chi tiết.

- Thủ tục mua sắm TSCĐ và đầu tư xây dựng. Nhằm đảm bảo đầu tư TSCĐ đạt hiệu quả cao, chẳng hạn về những thủ tục cần thiết khi mua sắm TSCĐ, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Thủ tục thanh lý hay nhượng bán TSCĐ: doanh nghiệp cần xây dựng các quy định về thanh lý tài sản, chẳng hạn mọi trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản đều phải có dự đồng ý của các bộ phận có liên quan, phải thành lập hội đồng thanh lý gồm các thành viên theo quy định.

- Các quy định về sự phân biệt giữ khoản chi ghi vào nguyên giá của TSCĐ, hay tính vào chi phí của liên độ. Tiêu chuẩn này giữa trên chuẩn mực hay chế độ kế toán hiện hành và cụ thể hóa theo đặc thù của đơn vị.

- Chế độ kiểm kê định kỳ của TSCĐ nhằm kiểm tra về sự hiện hữu, địa điểm đặt tài sản, điều kiện sử dụng cũng như phát hiện tài sản đề ngoài sổ sách hoặc bị thiếu hụt, mất mát.
- Các quy định bảo vệ vật chất đối vs TSCĐ như thiết lập các biện pháp bảo vệ tài sản, chống trộm cắp, hỏa hoạn, mua BH đầy đủ cho tài sản.

## **2. Khảo sát hệ thống KSNB:**

Trong giai đoạn này, việc tìm hiểu hệ thống KSNB của khách hàng sẽ giúp KTV ước lượng được mức độ rủi ro kiểm toán.

Do cty ABC chưa thiết lập được hệ thống KSNB vì theo đánh giá của ban giám đốc với quy mô hiện nay là chưa cần thiết. Do đó, hàng tháng Ban giám đốc công ty ABC đều tổ chức cuộc họp để nắm bắt tình hình thực tế và đề ra các biện pháp giải quyết vướng mắc và giải pháp thực hiện.

Vì vậy, KTV đánh giá công ty ABC thông qua một số buổi gặp mặt trực tiếp với ban giám đốc công ty ABC. Thông qua những buổi gặp thì KTV cũng đánh giá được phần nào thái độ, nhận thức và phong cách làm việc của Ban giám đốc. Đồng thời KTV thu thập những thông tin về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành, các quy trình, chính sách, xem xét chùng từ sổ sách và sự luân chuyển của những chứng từ.

### *\*Cơ cấu tổ chức:*

Hội đồng quản trị của ABC gồm chủ tịch và 3 thành viên, chủ tịch đồng thời cũng là tổng giám đốc, một trong 3 thành viên hội đồng quản trị đồng thời cũng là phó tổng giám đốc. KTV thông qua tiếp xúc với ban giám đốc công ty ABC, KTV không thu thập bằng chứng gì liên quan đến việc nghi ngờ tính chính trực của BGD cũng như của HĐQT.

### *\*Các chính sách kế toán tại công ty:*

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 1/1 đến 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.
- Hình thức kết toán áp dụng: Nhật ký chung,

- Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán VN ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân.
- Ghi nhận và tính khấu hao TSCĐ:
  - + Tính nguyên giá TSCĐ theo nguyên tắc giá gốc.
  - + Khấu hao : được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ước tính của tài sản.

KTV cũng sẽ tiến hành xem xét Bảng đăng ký khấu hao TSCĐ của công ty ABC với Bộ tài chính, Bảng đăng ký đó như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>số năm</b>
Nâng cấp TSCĐ đi thuê	4 – 5 năm
Thiết bị văn phòng và sản xuất	5 năm
Máy móc	6 – 10 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
TSCĐ khác	5 năm

Còn đối với TSCĐ vô hình : phần mềm\_ giá trị của phần mềm máy vi tính được ghi nhận là TSCĐ vô hình nên không đi kèm với phần cứng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp tuyến tính trong thời gian 3-5 năm.

Sau đó KTV đưa ra bảng câu hỏi về KSNB:

<b>Diễn giải</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>
1. Khách hàng có lập sổ chi tiết cho TSCĐ hữu hình không?	X	
2. Sổ chi tiết có được cập nhật thường xuyên không?	X	
3. Các tài sản lỗi thời có được xóa sổ khi có sự phê duyệt và sổ chi tiết có được cập nhật không?	X	
4. Việc đối chiếu định kỳ có được thực hiện giữa: + Các tài sản trong sổ chi tiết và kiểm kê thực tế không?	X	



+ Số tổng cộng giữa sổ chi tiết và sổ cái không		
5. Tất cả các tài sản có được ghi chép trong sổ cái và sổ chi tiết ngay khi nhận được và được gắn thẻ để nhận biết không?	X	
6. Chính sách khấu hao có được áp dụng nhất quán và tỷ lệ khấu hao có phù hợp với thời gian hữu dụng ước tính không?	X	
7. TSCĐ có được bảo vệ, đặc biệt khi ngưng sản xuất không?		X
8. Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản có được cất giữ an toàn không?	X	

### 3. Đánh giá sơ bộ rủi ro kiểm soát

Căn cứ vào những gì mà KTV thu thập được về việc tìm hiểu KSNB của khách hàng ở trên thì KTV tiến hành đưa ra kết luận sơ bộ về rủi ro kiểm toán dựa vào kinh nghiệm của KTV. Công ty ABC được KTV được KTV đánh giá rủi ro ở mức trung bình đối với khoản mục TSCĐ

#### *\*Xác lập tính trọng yếu*

Để có những ước tính ban đầu về mức trọng yếu của khoản mục này thì KTV đã tiến hành như sau:

- Tiến hành ước lượng ban đầu về mức trọng yếu của toàn bộ BCTC, thì KTV chọn chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế để xác lập mức trọng yếu đối với khoản mục TSCĐ của công ty ABC

- Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty ABC là 7.596.010.000.

- Mức trọng yếu của tổng thể = 5% \* 7.596.010.000 = 379.800.500.

- Mức sai phạm tối đa trong tổng thể = 50% \* 379.800.500 = 189.900.250

- Phân bổ mức trọng yếu cho khoản mục TSCĐ = 50% \* 189.900.250 = 94.950.125

Sau khi đã tiến hành xác định mức trọng yếu đối với khoản mục TSCĐ thì KTV sẽ tiến hành kiểm tra 100% các chứng từ sổ sách.

Sau khi tìm hiểu về KH, tìm hiểu về hệ thống KSNB, và đánh giá rủi ro kiểm toán thì KTV sẽ tiến hành thực hiện chương trình kiểm toán cho phù hợp với những công việc mà KTV đã thực hiện ở trên, đồng thời cũng phân công số lượng KTV tham gia cuộc kiểm toán này (2 KTV).

#### **4. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

Trước ngày kiểm toán thì KTV trao đổi với các nhân viên của khách hàng để tìm hiểu 1 số thông tin quan trọng. đồng thời KTV yêu cầu nhân viên cung cấp các tài liệu liên quan đến các khoản mục, riêng đối với khoản mục TSCĐ như sau:

- Sổ cái và các sổ kế toán chi tiết liên quan đến TSCĐ
  - Danh sách TSCĐ tăng, thanh lí, chuyển nhượng, giảm khác trong năm
- Bảng tổng hợp TSCĐ phản ánh số dư đầu năm, phát sinh tăng giảm trong năm, số cuối năm của nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ
- Bảng khấu hao TSCĐ trong năm
  - Các chứng từ, hợp đồng liên quan đến TSCĐ

#### **5. Thử nghiệm kiểm soát**

KTV không thực hiện các thực nghiệm kiểm soát mà KTV đi vào thực hiện các thử nghiệm cơ bản, việc thực hiện các thử nghiệm kiểm soát sẽ được kết hợp thực hiện trong quá trình thực hiện các thử nghiệm cơ bản chứ không được thực hiện riêng biệt. Bởi vì công ty ABC không có hệ thống KSNB, vì vậy thực hiện thử nghiệm kiểm soát sẽ không hiệu quả bằng việc đi trực tiếp vào thực hiện thử nghiệm cơ bản.

Đồng thời KTV cũng nhận thấy rằng TSCĐ của công ty phát sinh ít do đây là công ty sản xuất nên để tiết kiệm thời gian mà KTV sẽ đi vào thực hiện các thử nghiệm cơ bản.

## 6. Thử nghiệm cơ bản

Sau khi được cung cấp các sổ sách và các thông tin cần thiết thì KTV sẽ thực hiện các thử nghiệm cơ bản dựa trên chương trình kiểm toán TSCĐ mà công ty đã thiết lập.

\*Trình tự sắp xếp Working paper đối với khoản mục TSCĐ.

- Chương trình kiểm toán TSCĐ BH
- Bảng ghi nhận các vấn đề phát sinh NOA
- Bảng tổng hợp bút toán điều chỉnh ADJE
- Biểu tổng hợp TSCĐ BHo
- Biểu tổng hợp TSCĐ hữu hình, vô hình, khấu hao BH1, BH2,...

\*Nguyên tắc đánh tham chiếu

- Khi đánh tham chiếu trước số liệu thì tham khảo giấy tờ làm việc phía trước
- Khi đánh tham chiếu sau số liệu thì tham khảo giấy tờ làm việc phía sau

\*Thủ tục phân tích

Các thủ tục phân tích được áp dụng sẽ giúp KTV xác định mức độ hợp lý của các thông tin do doanh nghiệp cung cấp, đồng thời các thủ tục phân tích giúp KTV có cái nhìn tổng thể trong mối liên hệ với các phần hành khác.

Các thủ tục phân tích mà KTV áp dụng đối với công ty ABC là:

- Xem xét sự hợp lý và nhất quán với năm trước của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình  $\rightarrow$  Mục đích nhằm tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường được thực hiện ở biểu BHo.
- So sánh chi phí khấu hao TSCĐ nay nay/ kì này với năm trước/ kì trước, với kế hoạch giữa các tháng trong năm/ kì  $\rightarrow$  mục đích là tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường, được thực hiện ở BH12

\*Thử nghiệm chi tiết

Các thử nghiệm chi tiết sẽ được KTV thực hiện và trình bày trên các Working paper.

- Thử nghiệm chi tiết đầu tiên mà KTV thực hiện đối với khoản mục TSCĐ của công ty ABC là kiểm tra đối chiếu.

- Số liệu giữ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, Bảng cân đối kế toán.
- Do công ty ABC là công ty kiểm toán năm đầu tiên nên KTV đối chiếu số dư đầu năm với BCKT do công ty khác kiểm toán, xem hồ sơ năm trước mà công ty khác kiểm toán.

Trong đó việc đối chiếu tổng số dư sẽ được trình bày trên BHo, còn việc đối chiếu số dư của từng loại TSCĐ thì được trình bày trên BH1 (TSCĐ hữu hình) BH2 (TSCĐ vô hình) BH12( hao mòn lũy kế)

- Để kiểm tra sự tồn tại và hiện hữu TSCĐ trong doanh nghiệp thì KTV có thể tham gia kiểm kê tại đơn vị tại thời điểm khóa sổ kế toán, bảo đảm rằng việc kiểm kê được thực hiện phù hợp với các thủ tục và trao đổi với ccas nhân viên về việc nếu có chênh lệch. Đây là bằng chứng có sức thuyết phục cao và được KTV sử dụng. Việc kiểm tra này là cần thiết, KTV tham gia kiểm kê TSCĐ của công ty ABC kết hợp thu thập bằng kiểm tra chi tiết TSCĐ hữu hình, vô hình
- Kiểm tra chứng từ gốc của các TSCCD tăng trong kì/năm được trình bày trên BH1
- Kiểm tra chứng từ gốc có liên quan đến TSCĐ giảm trong năm/ kỳ kiểm tra hạch toán giảm TSCĐ, kiểm tra lãi, lỗ TSCĐ thanh lí, nhượng bán trong năm/ kỳ được trình bày trên BH7
- Kiểm tra xem thời gian / tỉ lệ khấu hao TSCĐ có hợp lí không, KTV xem xét Khung thời gian khấu hao quy định tại TT45/2013 – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Các khoản lỗ hoặc lại của TSCĐ năm trước

Sự nhất quán với các năm trước

- Kiểm tra chọn mẫu việc tính toán khấu hao các TSCĐ trong năm / kỳ , xem xét để đảm bảo TSCĐ đã khấu hao hết thì không được tính khấu hao, xem xét để đảm bảo tất cả TSCĐ( trừ TSCĐ đã được khấu hao hết) đều được tính khấu hao.

- Xem xét kĩ lưỡng thì KTV đọc lướt qua sổ chi tiets TSCĐ hữu hình, vô hình để phát hiện ra các khoản mục bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc

**BẢNG SO SÁNH SỐ DƯ ĐẦU NĂM VÀ CUỐI NĂM CỦA TSCĐ**

**Mục tiêu:** Xem xét tính hợp lý của biến động số dư TSCĐ cuối kỳ so với đầu kỳ.

Tên tài khoản	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>			
Nguyên giá	24.053.771.065	23.363.505.018	690.266.047
Hao mòn lũy kế	(12.878.798.312)	(11.611.549.814)	(1.267.248.498)
Giá trị còn lại	9.174.972.753	9.751.955.204	(576.982.451)
	<b>BS ^</b>	<b>LY ^</b>	<b>^</b>
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>			
Nguyên giá	1.450.098.202	1.450.098.202	-
Hao mòn lũy kế	(981.573.665)	(860.732.148)	120.841.517
Giá trị còn lại	468.524.537	589.366.054	(120.841.517)
	<b>BS ^</b>	<b>LY ^</b>	
<b>Tài sản cố định vô hình</b>			
Nguyên giá	1.750.000.000	1.750.000.000	-
Hao mòn lũy kế	-	-	-
Giá trị còn lại	1.750.000.000	1.750.000.000	-

-TSCĐ hữu hình cuối năm so với đầu năm có biến động lớn.

- TSCĐ thuê tài chính không có sự biến động về nguyên giá nhưng có sự hao mòn về lũy kế, đó chính là chi phí khấu hao đơn vị đã trích trong kỳ.

- TSCĐ vô hình không có biến động về mặt nguyên giá

=> **Biết động số dư TSCĐ cuối kỳ so với đầu kỳ là hợp lý**

**BẢNG TỔNG HỢP VỀ TSCĐHH VÀ KHẤU HAO**

**Mục tiêu:** đảm bảo số dư tài khoản TSCĐ hữu hình đến 31/12 được ghi chép, phân loại, chuyển số phù hợp.

**Công việc:**

- Từ sổ của đơn vị lập bảng tổng hợp về TSCĐHH và khấu hao có liên quan bao gồm số dư đầu kỳ, tăng trong kỳ, giảm trong kỳ, số dư cuối kỳ.
- Kiểm tra các tài khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đồng thời đọc lướt sổ chi tiết và xem xét việc ghi tăng nguyên giá TSCĐ đối với những chi phí này.

<b>Nội Dung</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>tăng</b>	<b>Thanh lý</b>	<b>Số cuối năm</b>
Nguyên giá				
Nhà cửa vật kiến trúc	10.876.734.096	398.332.271	-	11.275.066.367
Máy móc thiết bị	7.543.957.322	145.890.000	-	7.689.847.322
Phương tiện vận tải	2.360.689.000	336.831.768	256.520.000	2.441.000.768
Dụng cụ quản lý	560.476.080	82.168.508	28.000.500	614.644.088
TSCĐ khác	21.648.520	11.564.000	-	33.212.520
<b>Cộng(1)</b>	<b>21.363.505.018</b>	<b>974.786.547</b>	<b>284.520.500</b>	<b>22.053.771.065</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	6.053.679.904	611.171.650	-	6.664.851.554
Máy móc thiết bị	4.283.200.767	501.802.396	153.851.957	4.631.151.206
Phương tiện vận tải	952.909.633	221.733.006	-	1.174.642.639
Dụng cụ quản lý	306.289.088	100.813.525	17.188.513	389.914.100
TSCĐ khác	15.470.422	2.768.391	-	18.238.813
<b>Cộng(2)</b>	<b>11.611.549.814</b>	<b>1.438.268.938</b>	<b>171.040.470</b>	<b>12.878.798.312</b>

<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa vật kiết trúc	4.823.054.192			4.610.214.813
Máy móc thiết bị	3.260.756.555			3.058.696.116
Phương tiện vận tải	1.407.779.367			1.266.358.129
Dụng cụ quản lý	254.186.992			224.729.988
TSCĐ khác	6.178.098			14.973.707
<b>Cộng = (1) – (2)</b>	9.751.955.204			9.174.972.753

**\*Nhận xét:**

- Chi phí sửa chữa lớn nhà văn phòng không được ghi tăng nguyên giá TSCĐ mà phải ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn, sau đó phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, số tiền là 42.066.000VNĐ, thời gian phân bổ là 5 năm. Số phân bổ vào chi phí năm nay là 8.413.200VNĐ. Trong năm, DN đã trích khấu hao trên giá trị này là 5.821.905VNĐ. Số chênh lệch còn phải tính vào chi phí trong năm là 2.591.295VNĐ.

- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy phát điện MITSUBISHI phải ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ chứ không được ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ, số tiền là 5.548.000VNĐ. Trong năm DN đã trích khấu hao trên giá trị này là 1.206.900VNĐ. Chênh lệch còn phải tính vào chi phí trong năm là 4.341.100VNĐ.

- DN đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất của nhà tập thể công nhân tại Bình Dương là TSCĐHH. DN phải chuyển sang TSCĐVH và không trích khấu hao. Số tiền 180.000.000VNĐ. Tài sản tăng vào ngày 25/12 nên trong năm DN chưa trích khấu hao tài sản này, do đó chỉ điều chỉnh nguyên giá mà không điều chỉnh chi phí khấu hao.

Bút toán điều chỉnh:

Nợ TK 242: 33.652.800

Nợ TK 642: 2.591.295

Nợ TK 214: 5.821.905

Có TK 211: 42.066.000

Nợ TK 642: 4.341.100

Nợ TK 214: 1.206.900

Có TK 211: 5.548.000

Nợ TK 213: 180.000.000

Có TK211: 180.000.000

**Tóm lại:** số dư tài khoản TSCĐHH tính đến ngày 31/12 được phân và ghi chép và chuyển số phù hợp sau điều chỉnh.

### **BẢNG TỔNG HỢP TSCĐ TĂNG TRONG KỲ**

**Mục tiêu:** Đảm bảo tài sản tăng đến ngày 31/12 là có thực.

**Công việc:**

- Lập bảng tổng hợp TSCĐ tăng trong kỳ sau khi điều chỉnh chi phí sửa chữa và giá trị quyền sử dụng đất.
- Kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc.
- Xác định các tài sản không đủ tiêu chuẩn về mặt giá trị.



Chứng từ		TK đối ứng	Tên tài sản cố định	Nguyên giá	
Ngày	Số				
12/1/2010	GX010	111	Máy phát điện KOHLER	96.000.000	v
1/3/2010	GA001	111	Tường rào xi nghiệp gia dây Bình Dương	15.300.000	v
7/3/2010	GX013	111	Xe TOYOTA 7 chỗ	298.146.000	v
2/4/2010	GX027	111	Máy in Hewlett 110	5.643.552	v
10/4/2010	GX028	111	Máy vi tính TOSHIBA	16.133.848	v
10/4/2010	GX029	111	Máy vi tính TOSHIBA	16.133.848	v
10/4/2010	GX038	111	Máy vi tính TOSHIBA	16.133.848	v
10/4/2010	GX050	111	Máy vi tính TOSHIBA	16.133.848	v
28/7/2010	GX062	111	Máy in Epson LQ	7.887.000	v
5/8/2010	GX068	111	Hệ thống máy lạnh DAIKIN (Hội trường)	34.500.000	v
24/8/2010	GX069	111	Hệ thống đường ống nước	38.685.768	v
29/8/2010	GX071	111	Máy lạnh SAMSUNG	9.842.000	v
6/10/2010	GX087	111	Máy Fax B820	4.102.564	v
14/10/2010	GX105	111	Tủ pha chế (văn phòng)	11.564.000	v

25/12/2010	GA020	111	Nhà tập thể công nhân	160.966.271	v
			<b>Cộng</b>	<u>747.172.547</u>	
				^	

### BẢNG TÀI SẢN KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN GHI NHẬN TSCĐHH

Trong kỳ doanh nghiệp mua một số tài sản không đủ tiêu chuẩn giá trị để ghi tăng nguyên giá TSCĐHH. Những tài sản này chỉ là công cụ dụng cụ doanh nghiệp chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất

kinh doanh, và ước tính phân bổ trong 3 năm. Danh mục các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn giá trị.

Tên tài sản cố định	Nguyên giá	Đã trích khấu hao trong năm 2010	Mức phân bổ trong năm 2010	Chênh lệch tính vào chi phí
Máy in Hewlett 110	5.643.552	846.533	1.410.888	564.355
Máy in Epson LQ	7.887.000	657.250	1.095.417	438.167
Máy lạnh SAMSUNG	9.842.000	656.133	1.093.556	437.422
Máy Fax B820	4.102.564	205.128	341.880	136.752
<b>Cộng</b>	<b><u>27.475.116</u></b>	<b><u>2.365.044</u></b>	<b><u>3.941.741</u></b>	<b><u>1.576.697</u></b>
	^	^	^	^

**Bút toán điều chỉnh**

Nợ TK242: 23.533.375

Nợ TK642: 1.576.697

Nợ TK214: 2.365.044

Có TK211: 27.475.116

**Tóm lại: Giá trị TSCĐ tăng đến ngày 31/11 được ghi nhận phù hợp sau khi điều chỉnh.**

**BẢNG KÊ TSCĐ NHƯỢNG BÀN TRONG KỲ**

**Mục tiêu:** Đảm bảo các TSCĐ nhượng bán trong năm phản ánh trung thực và hợp lý.

**Công việc:**

- Lập bảng kê các TSCĐ nhượng bán theo từng loại.
- Đối chiếu chứng từ gốc.
- Tính toán lãi lỗ do nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

Tên tài sản cố định	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Giá bán		Lãi (lỗ)
Xe Daewoo 7 chỗ	256.520.000	153.851.957	102.668.043	112.800.000	v	10.131.957
Máy vi tính Acer	13.260.000	7.343.850	5.916.150	5.700.000	v	(216.150)
Máy vi tính Acer	14.740.500	9.844.663	4.895.837	5.100.000	v	204.163
<b>Cộng</b>	<b><u>284.520.500</u></b>	<b><u>171.040.470</u></b>	<b><u>113.480.030</u></b>	<b><u>123.600.000</u></b>		<b><u>10.119.970</u></b>
	^ £	^ £		^		^

**\*Nhận xét:**

- Xe Dacwoo thanh lý ngày 22/4
- Máy tính Acer(số lượng 2 cái) thanh lý ngày 27/6
- DN đã tính khấu hao những tài sản này cho tới ngày thanh lý, đồng thời ghi giảm giá trị TSCĐ và giá trị hao mòn lũy kế tại ngày thanh lý.
- Các tài sản thanh lý đều có hóa đơn.

**Tóm lại:** Các TSCĐ thanh lý trong năm phản ánh phù hợp.

**BẢNG ƯỚC TÍNH CHI PHÍ KHẤU HAO THEO NHÓM TSCĐ**

(Sau khi đã điều chỉnh nguyên giá)

Loại tài sản cố định	Nguyên giá đầu kỳ	Nguyên giá tăng bình quân trong năm	Nguyên giá giảm bình quân trong năm	Nguyên giá bình quân tính khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.876.734.096	12.750.000	-	10.889.484.096
Máy móc, thiết bị	7.543.957.322	110.375.000	-	7.654.332.322
Phương tiện vận tải	2.360.689.000	264.574.070	171.013.333	2.454.249.737
Dụng cụ quản lý	560.476.080	48.401.544	14.000.250	594.877.374
Tài sản cố định khác	21.648.520	2.891.000	-	24.539.520
<b>Cộng</b>	<b><u>21.363.505.018</u></b>	<b><u>438.991.614</u></b>	<b><u>185.013.583</u></b>	<b><u>21.617.483.049</u></b>

Loại tài sản cố định	Nguyên giá bình quân tính khấu hao	Tỷ lệ khấu hao bình quân (%)	Ước tính chi phí khấu hao trong kỳ	Số của đơn vị	Chênh lệch (giữa ước tính và số của đơn vị)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10.889.484.096	5.56	605.455.316	611.171.650	(5.716.334)
Máy móc, thiết bị	7.654.332.322	6.53	499.827.901	501.802.396	(1.974.496)
Phương tiện vận	2.454.249.737	9.04	221.864.176	221.733.006	131.170

tài					
Dụng cụ quản lý	594.877.374	16.67	99.146.229	100.813.525	(1.667.296)
Tài sản cố định khác	24.539.520	11.05	2.711.617	2.768.391	(56.774)
<b>Cộng</b>	<b><u>21.617.483.049</u></b>		<b><u>1.429.005.239</u></b>	<b><u>1.438.268.938</u></b>	<b><u>(9.283.729)</u></b>
	^	^	^	^	^

**CHÊNH LỆCH ĐIỀU CHỈNH NGUYÊN GIÁ**

Chênh lệch giữa ước tính của kiểm toán viên với số liệu sổ sách của đơn vị là do ước tính nguyên giá bình quân khi tính khấu hao KTV đã điều chỉnh những khoản chi phí không đủ tiêu chuẩn ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ ở các thủ tục trên bao gồm các khoản:

	<b>Nguyên giá</b>	<b>Đã trích khấu hao trong kỳ</b>
Chi phí sửa chữa lớn nhà văn phòng	42.066.000	5.821.905
Chi phí sửa chữa máy phát điện	5.548.000	1.206.900
Máy in Hewlett 110	5.643.552	846.533
Máy in Epson LQ	7.887.000	657.520
Máy lạnh Samsung	9.842.000	656.133
Máy Fax B820	4.102.564	205.128
<b>Cộng</b>	<b>75.098.116</b>	<b>9.393.849</b>

Chênh lệch sau điều chỉnh nguyên giá:  $9.393.849 - 9.283.729 = 110.120\text{VNĐ}$ .

Chênh lệch không trọng yếu không cần điều chỉnh.

**\*Tóm lại:** Chi phí khấu hao trong kỳ được đơn vị ghi nhận hợp lý sau các bút toán điều chỉnh ở trên.

## TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH SAU KIỂM TOÁN

Nội Dung	Trước kiểm toán	Kiểm toán		Sau kiểm toán
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	11.275.066.367	-	222.066.000	111.053.000.367
Máy móc thiết bị	7.689.847.322	-	15.390.000	7.674.457.322
Phương tiện vận tải	2.441.000.768	-	-	2.441.000.768
Dụng cụ quản lý	614.644.088	-	17.633.116	597.010.972
TSCĐ khác	33.212.520	-	-	33.212.520
<b>Cộng</b>	<b>22.053.771.065</b>	-	<b>255.089.116</b>	21.798.681.949
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	6.664.851.554	-	5.821.905	6.659.029.649
Máy móc thiết bị	4.631.151.206	-	1.863.033	4.629.288.173
Phương tiện vận tải	1.174.642.639	-	-	1.174.642.639
Dụng cụ quản lý	389.914.100.	-	1.708.911	388.205.189
TSCĐ khác	18.238.813	-	-	18.238.813
<b>Cộng</b>	<b>12.878.798.312</b>	-	<b>9.393.849</b>	<b>12.869.404.462</b>
<b>Giá trị còn</b>				

<b>lại</b>				
Nhà cửa vật kiết trúc	4.610.214.813			4.393.970.718
Máy móc thiết bị	3.058.696.116			3.045.169.149
Phương tiện vận tải	1.266.358.129			1.266.358.129
Dụng cụ quản lý	224.729.988			208.805.783
TSCĐ khác	14.973.707			14.973.707
<b>Cộng</b>	<b>9.174.972.753</b>			<b>8.929.277.487</b>

## PHỤ LỤC

**Công ty TNHH kiểm toán Á Châu**

**Địa chỉ:** Đường Ngô Tất Tố, Phường 19. Quận Bình Thạnh, TP HCM.

Số: ... /20×2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Ban giám đốc công ty cổ phần ABC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty ABC,

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.



Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ABC tại ngày 31/12/201x, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

[(Hà Nội), ngày...tháng...năm...]

<b>Công ty kiểm toán XYZ</b>	
Tổng Giám đốc( <i>Họ và tên, chữ ký, đóng dấu</i> ) Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:... <b>Kiểm toán viên</b> ( <i>Họ và tên, chữ ký</i> )	Kiểm toán viên( <i>Họ và tên, chữ ký</i> ) Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:...

## KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các dịch vụ kiểm toán độc lập, đặc biệt là kiểm toán BCTC được các doanh nghiệp, tổ chức nhà nước và bên thứ ba sử dụng rộng rãi như một thông tin đáng tin cậy để từ đó đưa ra các quyết định một cách hợp lý. Kiểm toán TSCĐ là một khoản mục khá quan trọng trên BCTC của một doanh nghiệp sản xuất. Vì thế, việc thực hiện kiểm toán khoản mục này cho phù hợp với chuẩn mực hiện hành sẽ góp phần làm tăng thêm chất lượng của báo cáo kiểm toán và giảm rủi ro có thể xảy ra.

Nhóm Nhà có 5 nàng tiên và một thằng điên đã cố gắng trogn việc tìm hiểu, nghiên cứu cơ sở lý luận cũng như chương trình kiểm toán trong thực tế, đặc biệt là chương trình kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao. Mặc dù vậy, do thời gian có hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót về hình thức cũng như nội dung chuyên đề. Chúng em rất mong được sự quan tâm góp ý của thầy(cô) để chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!!

## **CAM KẾT**

Nhóm chúng em xin cam kết bài tiểu luận do các thành viên trong nhóm tìm hiểu, đọc tài liệu và làm ra, không thuê người làm dưới mọi hình thức. Nếu không đúng, nhóm chúng em xin chịu mọi trách nhiệm.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!!

*Nhóm nhà có 5 nàng tiên và 1 thằng điên*

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình kiểm toán BCTC
2. <http://iachanoi.com/vi/bao-cao-kiem-toan-la-gi/>
3. <http://www.slideshare.net/conghuy55/quy-trnh-kim-ton-ti-sn-c-nh-v-chi-ph-khu-hao-ti-cng-ty-tnhh-kim-ton-chu>
4. <https://www.wattpad.com/1536535-b%C3%A1o-c%C3%A1o-ki%E1%BB%83m-to%C3%A1n-v%E1%BB%81-b%C3%A1o-c%C3%A1o-t%C3%A0i-ch%C3%ADnh/page/5>